

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6

Bình Dương, ngày 20/06/2014

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU

CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1: Định Nghĩa

CHƯƠNG II: TÊN, ĐỊA CHỈ, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2: Tên, địa chỉ, thời hạn hoạt động của Công ty

CHƯƠNG III: MỤC TIÊU; PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3: Mục tiêu Công ty

Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động

CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

Điều 6: Chứng chỉ cổ phiếu

Điều 7: Chuyển nhượng cổ phần

Điều 8: Thu hồi cổ phần

CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 9: Cơ cấu tổ chức quản lý

CHƯƠNG VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 10: Quyền hạn của Cổ đông Công ty

Điều 11: Nghĩa vụ của các Cổ đông

Điều 12: Đại Hội đồng Cổ đông

Điều 13: Quyền và Nhiệm vụ của Đại Hội đồng Cổ đông

Điều 14: Các Đại diện được ủy quyền

Điều 15: Thay đổi các quyền

Điều 16: Triệu tập Đại Hội đồng Cổ đông, Chương trình họp và Thông báo

Điều 17: Các điều kiện tiến hành họp Đại Hội đồng Cổ đông

Điều 18: Phê chuẩn các Nghị Quyết thông qua hình thức gửi văn bản

CHƯƠNG VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19: Thành phần và nhiệm kỳ

Điều 20: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị

Điều 21: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Điều 22: Thành viên Hội đồng Quản trị thay thế

Điều 23: Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị

CHƯƠNG VIII: TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 24: Tổ chức bộ máy quản lý

Điều 25: Cán bộ quản lý

Điều 26: Bổ nhiệm, Miễn nhiệm, Nhiệm vụ và Quyền hạn của Tổng Giám Đốc điều hành

Điều 27: Thư ký Công ty

CHƯƠNG IX: NHIỆM VỤ ĐƯỢC ỦY THÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 28: Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám Đốc điều hành và Cán bộ quản lý

Điều 29: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

Điều 30: Trách nhiệm và bồi thường

CHƯƠNG X: BAN KIỂM SOÁT

Điều 31: Bổ nhiệm Ban Kiểm soát

CHƯƠNG XI: QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 32: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

CHƯƠNG XII: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 33: Công nhân viên và Công đoàn

CHƯƠNG XIII: PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 34: Cổ tức

CHƯƠNG XIV: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 35: Tài khoản Ngân hàng

Điều 36: Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ

Điều 37: Năm tài khóa

Điều 38: Hệ thống kế toán

CHƯƠNG XV: BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 39: Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

Điều 40: Công bố thông tin và Thông báo ra công chúng

CHƯƠNG XVI: KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 41: Kiểm toán

CHƯƠNG XVII: CON DẤU

Điều 42: Con dấu

CHƯƠNG XVIII: CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 43: Chấm dứt hoạt động

Điều 44: Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng Quản trị và Cổ đông

Điều 45: Thanh lý

CHƯƠNG XIX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 46: Giải quyết tranh chấp nội bộ

CHƯƠNG XX: SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 47: Bổ sung và Sửa đổi Điều lệ

CHƯƠNG XXI: NGÀY HIỆU LỰC

Điều 48: Ngày hiệu lực

Điều 49: Chữ ký của các cổ đông sáng lập hoặc của người đại diện theo pháp luật của Công ty

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ:

- *Luật Doanh Nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam Khóa XI, kỳ họp thứ 8, thông qua ngày 29/11/2005, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2006;*
- *Luật Chứng khoán số 70/2006/QH 11 được thông qua ngày 29/6/2006, có hiệu lực từ ngày 01/01/2007;*
- *Quyết định số 41/QĐ-TTg ngày 2/3/2000 của Thủ Tướng Chính phủ về việc chuyển Cty Bê Tông 620 Châu Thới thành Công ty Cổ phần Bê Tông 620 Châu Thới;*
- *Nghị quyết số 83/NQ-ĐHĐCĐ-BT6 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Bê tông 620 Châu Thới ngày 10/8/2010 về việc đổi tên Công ty Cổ phần Bê tông 620 Châu Thới thành Công ty Cổ phần Beton 6.*
- *Điều lệ tổ chức và hoạt động được sửa đổi và được Đại Hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần beton 6 nhất trí thông qua ngày 28 tháng 04 năm 2011.*

Điều lệ này của Công ty Cổ phần Beton 6, dưới đây gọi là “Công ty”, được soạn thảo dựa theo Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty niêm yết ban hành theo thông tư số 121/2012/TT-BTC, ngày 26/7/2012 của Bộ Tài chính là cơ sở pháp lý cho việc tổ chức và hoạt động của Công ty.

Chúng tôi, những cổ đông của Công ty Cổ phần Beton 6 tham dự cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông ngày 12/4/2013 nhất trí thông qua Bản điều lệ sửa đổi này. Bản điều lệ sửa đổi này, cùng với các quy định, nghị quyết hợp lệ của Đại Hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, sẽ chi phối toàn bộ hoạt động của Công ty, có giá trị thay thế Bản điều lệ trước đây được thông qua ngày 20/4/2012.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ**Điều 1. Định nghĩa**

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:
 - a. “Hội đồng” có nghĩa là Hội đồng Quản trị của Công ty;
 - b. “Địa bàn kinh doanh” có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài;
 - c. “Vốn Điều lệ” có nghĩa là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này;
 - d. “Luật Doanh Nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh Nghiệp số 60/2005QH11 ngày 29/11/2005 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;
 - e. “Ngày thành lập” có nghĩa là ngày mà Công ty được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh;
 - f. “Pháp luật” là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 1 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ban hành ngày 12/11/1996;
 - g. “Cán bộ quản lý” có nghĩa là Tổng Giám đốc điều hành, Phó Tổng Giám đốc điều hành, kế toán trưởng, và các cán bộ khác được Hội đồng Quản trị chỉ định làm Cán bộ quản lý của Công ty;

- h. “Những người liên quan” có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong Điều 4 khoản 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - i. “Cổ đông” có nghĩa là mọi thể nhân hay pháp nhân được ghi tên trong sổ đăng ký Cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu cổ phiếu;
 - j. “Thời hạn” có nghĩa là thời hạn hoạt động của Công ty như được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này, hoặc thời hạn khác (nếu có) được thông qua bằng một nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông;
 - k. “Việt Nam” có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.
 3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này;
 4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, Hình thức, Trụ sở, Chi nhánh, Văn phòng đại diện và Thời hạn hoạt động của Công ty.

1. Tên hợp pháp của Công ty
 - Tên Việt Nam: **CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6**
 - Tên giao dịch quốc tế: **BETON 6 CORPORATION**
 - Tên viết tắt: **BT6 CORP.**
 - Mã cổ phiếu giao dịch: **BT6**
2. Công ty là một Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với Pháp luật Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty:
 - Địa chỉ: **Km 1877, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, Thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương**
 - Điện thoại: **(650) 3751617 – (650) 3750054**
 - Fax: **(650) 3751628**
 - Email: **info@beton6.com**
 - Website: **www.beton6.com**
4. Văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh: Công ty có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để hỗ trợ các mục tiêu của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép.

5. Việc dời trụ sở, chi nhánh hay văn phòng đại diện đi nơi khác, mở thêm chi nhánh hay văn phòng đại diện, do Hội đồng Quản trị Công ty quyết định và trong phạm vi luật pháp cho phép.
6. Tổng Giám Đốc điều hành là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
7. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 43 và 44, thời hạn của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và sẽ tồn tại lâu dài.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh:
 - Mã ngành 2395: Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao.
 - Mã ngành 2592: Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (*Chi tiết: Gia công và sửa chữa các dụng cụ, máy móc thiết bị cơ khí dùng cho ngành xây dựng*).
 - Mã ngành 4210: Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (*Chi tiết: Đầu tư, thi công cầu cống, đường giao thông và các hạng mục có liên quan đến công trình đường bộ, đường sắt*).
 - Mã ngành 4290: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
 - Mã ngành 4312: Chuẩn bị mặt bằng (*Chi tiết: Đào đắp, san lấp mặt bằng công trình*).
 - Mã ngành 4390: Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (*Chi tiết: Thi công đóng ép cọc, khoan cọc nhồi, xử lý nền móng xây dựng; Xây dựng công trình ngầm và thủy lợi; Xây dựng nền móng công trình; Xây dựng bến cảng*).
 - Mã ngành 4933: Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (*Chi tiết: Dịch vụ vận chuyển sản phẩm bê tông thường, bê tông tươi và bê tông siêu trường, siêu trọng*).
 - Mã ngành 7110: Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (*Chi tiết: Kiểm định vật liệu xây dựng, Kiểm định công trình xây dựng dân dụng, giao thông*).
 - Mã ngành 7120: Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.
 - Mã ngành 6810: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
2. Mục tiêu Công ty: Không ngừng phát triển và mở rộng các hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng hạ tầng, xây lắp công nghiệp, hợp tác quốc tế theo thế mạnh ngành nghề, và các hoạt động sản xuất - kinh doanh - dịch vụ khác; nỗ lực xây dựng Công ty lớn mạnh, tạo lợi thế về qui mô - uy tín - chuyên nghiệp, tiến tới hoạt động đa ngành, nhằm đem lại lợi nhuận tối đa cho Công ty và cổ đông; cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống cho người lao động trong Công ty; làm tròn các nghĩa vụ thuế với Nhà nước.
3. Nếu bất kỳ mục tiêu nào trong số những mục tiêu này cần phải có sự chấp thuận của cơ quan quản lý thì Công ty chỉ có thể thực hiện mục tiêu đó sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty có quyền lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh và điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành những hình thức kinh doanh khác mà pháp luật không cấm và Hội đồng Quản trị xét thấy có lợi nhất cho Công ty.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**Điều 5. Vốn điều lệ, Cổ phần, Cổ đông sáng lập.**

1. Tất cả các cổ phần do Công ty phát hành đều là cổ phần phổ thông, kể cả các cổ phần do Nhà nước nắm giữ. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần được quy định tại điều 10.
2. Vốn điều lệ của Công ty là vốn điều lệ được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp. Mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng, số lượng cổ phần của Công ty sẽ bằng Vốn điều lệ chia cho mệnh giá một cổ phần.
3. Công ty chỉ có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua, theo các thủ tục quy định của pháp luật.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại Hội đồng Cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật.
5. Công ty có thể phát hành cổ phần với giá trả góp thành nhiều đợt. Kỳ đến hạn trả góp và số tiền trả định kỳ phải được xác định tại thời điểm phát hành cổ phần.
6. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần, và các chi tiết khác về cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
7. Cổ phần phổ thông mới dự kiến được phát hành sẽ được ưu tiên chào bán cho các cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty. Công ty phải thông báo việc chào bán, trong đó nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn hợp lý không ít hơn hai mươi một ngày, để cổ đông đặt mua. Mọi cổ phần không được cổ đông đặt mua hết chịu sự kiểm soát của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị có thể phân phối [hoặc tặng các quyền chọn mua] các cổ phần đó cho các đối tượng, theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp, với điều kiện là các cổ phần đó không được bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ phi các cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua thị trường chứng khoán.
8. Công ty có thể mua cổ phần của chính mình (kể cả cổ phần hoàn lại) theo những phương thức được quy định trong Luật Doanh nghiệp và các luật liên quan, phù hợp với các điều kiện mà Đại Hội đồng Cổ đông đã cho phép theo quy định trong Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Cổ phần do Công ty mua lại được giữ làm cổ phiếu quỹ và có thể được Hội đồng Quản trị chào bán theo hình thức được Đại Hội đồng Cổ đông cho phép và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
9. Công ty có thể phát hành trái phiếu có bảo đảm và không có bảo đảm, và khi có phê chuẩn của Đại Hội đồng Cổ đông, có thể phát hành trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền đặt mua, cho phép người nắm giữ chứng quyền được mua cổ phần phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu

1. Mọi cổ đông đều có quyền được cấp một chứng chỉ cổ phiếu, trừ trường hợp quy định tại Điều 6 khoản 8.
2. Mọi chứng chỉ cổ phiếu phát hành phải được đóng dấu Công ty và có chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ này nêu rõ số lượng và loại cổ phần có liên quan, số tiền đã thanh toán, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác mà Luật Doanh nghiệp quy định. Một chứng chỉ Cổ phiếu ghi danh chỉ được đại diện cho một loại cổ phần.
3. Theo các quy định của Điều lệ này, bất kỳ người nào có tên ghi trong sổ đăng ký cổ đông liên quan đến một cổ phần thuộc bất kỳ loại nào sẽ được cấp miễn phí một chứng chỉ (trong trường hợp phát hành) trong vòng hai tháng (hoặc thời hạn lâu hơn theo như điều khoản phát hành qui định) sau khi mua hoặc (trong trường hợp chuyển nhượng) chuyển nhượng.
4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong một chứng chỉ cổ phiếu thì chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và một chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
5. Nếu một chứng chỉ cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy thì một chứng chỉ cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần tương ứng sẽ được cấp cho người nắm giữ theo yêu cầu của người đó với điều kiện phải xuất trình giấy tờ chứng minh và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.
6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.
7. Tất cả các mẫu chứng chỉ cổ phiếu hoặc trái phiếu hoặc các chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện hiện tại có liên quan đến các chứng chỉ có quy định khác, sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.
8. Căn cứ các quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, Công ty có thể phát hành cổ phần không theo hình thức chứng chỉ và cho phép các cổ phần (bất kể là cổ phần có phát hành dưới dạng này hay không) được chuyển nhượng mà không nhất thiết phải có văn bản chuyển nhượng, hoặc tùy từng thời điểm Hội đồng Quản trị có thể ban hành các quy định khác thay thế cho các quy định tương ứng trong Điều lệ này về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần.
9. Chứng chỉ chứng khoán khác: chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 7. Chuyển nhượng Cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và luật pháp có quy định khác. Khi cổ phiếu Công ty đã niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thì việc chuyển nhượng sẽ theo các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Trung tâm giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu được niêm yết.
2. Trừ khi Hội đồng Quản trị có quy định khác (phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp), việc chuyển nhượng cổ phần đều được thực hiện thông qua việc chuyển nhượng bằng văn bản theo cách thông thường hoặc theo bất kỳ cách nào mà Hội đồng Quản trị có thể chấp nhận. Giấy tờ chuyển nhượng được ký bởi hoặc thay mặt bên chuyển nhượng và (trừ trường hợp cổ phiếu đã được thanh toán đầy đủ) bởi hoặc thay mặt bên nhận chuyển nhượng. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được ghi vào sổ đăng ký cổ đông, trừ trường hợp bên

chuyển nhượng ủy quyền cho bên nhận chuyển nhượng tham dự cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông diễn ra trong thời gian đó theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.

3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.
4. Trong trường hợp một cổ đông bị chết, những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của một người chết sẽ được Công ty thừa nhận là người (hoặc những người) duy nhất có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần, nhưng quy định này không giải tỏa tài sản của cổ đông đã chết khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ.

Điều 8. Thu hồi Cổ phần

1. Nếu một cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu thì Hội đồng Quản trị có thể gửi một thông báo cho cổ đông đó vào bất kỳ lúc nào để yêu cầu thanh toán số tiền đó cùng với lãi suất có thể được lũy kế trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán này gây ra cho Công ty.
2. Thông báo nêu trên phải nêu rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 7 ngày kể từ ngày gửi thông báo) và địa điểm thanh toán, và phải nêu rõ rằng trong trường hợp không thanh toán đúng yêu cầu, cổ phần chưa thanh toán hết đó sẽ bị thu hồi.
3. Nếu các yêu cầu của một thông báo nêu trên không được thực hiện thì Hội đồng Quản trị có thể thu hồi mọi cổ phần đã được đề cập trong thông báo vào bất kỳ lúc nào (trước khi thanh toán đầy đủ các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan). Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả các cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi. Hội đồng Quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định dưới đây và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.
4. Một cổ phần bị thu hồi hoặc được giao nộp sẽ trở thành cổ phần quỹ hay cổ phần chưa phát hành của Công ty (tùy trường hợp) và có thể được bán, tái phân phối hoặc xử lý theo một cách khác cho người mà trước thời điểm cổ phần bị thu hồi, hoặc giao nộp, đã từng nắm giữ, hoặc cho bất kỳ người nào khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp.
5. Một cổ đông nắm giữ các cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty tất cả các khoản tiền có liên quan tới cổ phần đó mà vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp phải thanh toán cho Công ty cộng với tiền lãi (theo lãi suất cho vay của ngân hàng tại thời điểm) theo quyết định của Hội đồng Quản trị kể từ ngày thu hồi hoặc giao nộp cho đến ngày thực hiện thanh toán và Hội đồng Quản trị có quyền quyết định trong việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 9. Cơ cấu tổ chức quản lý

1. Đại Hội đồng Cổ đông
2. Hội đồng Quản trị

3. Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành
4. Ban Kiểm soát.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 10. Quyền hạn của Cổ đông Công ty

1. Cổ đông là những người chủ sở hữu của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ về tài sản khác của công ty trong phạm vi số tiền đã góp đủ vào công ty.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu tại các cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
 - b. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phiếu đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và luật pháp;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu trong một đợt phát hành mới tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ đang sở hữu;
 - e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia vào Đại Hội đồng Cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Trường hợp Công ty bị giải thể sẽ được nhận tài sản của Công ty tương ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu, nhưng chỉ sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ và các nghĩa vụ và sau các cổ đông ưu đãi;
 - g. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định trong Điều 90.1 của Luật Doanh nghiệp;
 - h. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật;
3. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở lên, có các quyền sau:
 - a. Đề cử các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tại các điều 19 khoản 3 và 31 khoản 2 tương ứng;
 - b. Yêu cầu triệu tập Đại Hội đồng Cổ đông trong trường hợp sau:
 - Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế.
 - c. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số

quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỉ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

- d. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại Hội đồng Cổ đông;
- e. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;
- f. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỉ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.
- g. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và bản Điều lệ này;

Điều 11. Nghĩa vụ của các cổ đông

- a. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế, các quyết định của Hội đồng Quản trị và các nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông;
- b. Thanh toán tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định;
- c. Hoàn thành các nghĩa vụ khác do luật pháp quy định.
- d. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật.
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 12. Đại Hội đồng Cổ đông

1. Đại Hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty và tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu đều được tham dự. Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần và phải họp trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính; hoặc có thể được gia hạn nhưng không quá sáu tháng nếu được cơ quan cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh chấp thuận theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên do Hội đồng Quản trị triệu tập và tổ chức tại một địa điểm ở Việt Nam do Hội đồng Quản trị quy định tùy từng thời điểm. Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên quyết định những vấn đề được luật pháp và Điều lệ này quy định. Đặc biệt, các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và

ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự Đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Việc triệu tập là cần thiết nếu các kiểm toán viên độc lập thấy rằng cuộc họp là quan trọng để thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc về tình hình tài chính của Công ty và Hội đồng Quản trị cũng nhận thấy như vậy;
 - b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy vốn điều lệ đã bị mất một nửa so với số đầu kỳ;
 - c. Khi số thành viên của Hội đồng Quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
 - d. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông quy định tại Điều 10.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại Hội Đồng bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);
 - e. Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc bộ máy quản lý cao cấp vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo điều 119 của Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng Quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.
4. Yêu cầu triệu tập Đại Hội đồng Cổ đông bất thường:
 - a. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại như quy định tại mục c Khoản 3 Điều 12 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại mục d và mục e Khoản 3 Điều 12.
 - b. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập cuộc họp nêu trên, Ban Kiểm soát sẽ phải triệu tập cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông trong thời hạn 30 ngày tiếp theo.
 - c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp, những cổ đông hoặc một nhóm cổ đông có yêu cầu nêu tại Khoản 3d của Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông;
 - a. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết;
 - d. Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành một cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông sẽ do Công ty trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại Hội đồng Cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 13. Quyền và Nhiệm vụ của Đại Hội đồng Cổ đông

1. Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Báo cáo tài chính hàng năm;
 - b. Báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình Công ty;
 - c. Báo cáo của Hội đồng Quản trị;

- d. Báo cáo của các kiểm toán viên;
 - e. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
2. Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên và bất thường có quyền ra các quyết định bằng cách thông qua nghị quyết về các vấn đề sau:
- a. Phê chuẩn các báo cáo tài chính hàng năm;
 - b. Mức cổ tức được thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó với điều kiện là mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng Quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại Hội đồng Cổ đông;
 - c. Số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị;
 - d. Lựa chọn Công ty kiểm toán;
 - e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc điều hành;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và báo cáo tiền thù lao của Hội đồng Quản trị;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 3 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - l. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - m. Công ty mua lại từ 10% trở lên đối với tổng số cổ phần đã phát hành của từng loại;
 - n. Việc Tổng Giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
 - o. Công ty hoặc chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 120 LDN với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.
 - p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.
3. Một cổ đông không được bỏ phiếu cho bất kỳ một nghị quyết nào để thông qua:
- a. Các hợp đồng quy định tại Điều 13.2 nếu cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng hoặc;
 - b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của bất kỳ người nào có liên quan đến cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các

cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khờp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.

- Đại Hội đồng Cổ đông phải thảo luận và biểu quyết đối với các nghị quyết về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.

Điều 14. Các Đại diện được ủy quyền

- Các cổ đông có quyền tham dự Đại Hội đồng Cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông.
- Việc chỉ định đại diện được ủy quyền phải được lập bằng văn bản theo mẫu chung hoặc theo mẫu khác mà Hội đồng Quản trị chấp thuận.
 - Trường hợp là cá nhân thì phải được ký bởi người ủy quyền hoặc bởi luật sư của người đó;
 - Trường hợp là Công ty thì phải được một luật sư hoặc người đại diện hợp lệ của Công ty đó ký và đóng dấu.
- Trường hợp văn bản chỉ định đại diện được ủy quyền được một luật sư ký thay mặt cho người ủy quyền thì thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao có xác nhận hợp lệ của thư ủy quyền đó phải được (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty) nộp cùng với văn bản chỉ định đại diện được ủy quyền. Nếu điều này không được thực hiện thì việc chỉ định đại diện được ủy quyền sẽ bị coi là không có hiệu lực.
- Lá phiếu bầu của đại diện được ủy quyền trong phạm vi được ủy quyền sẽ có hiệu lực ngay cả khi cổ đông chỉ định đại diện ủy quyền đó đã
 - Chết hoặc không có khả năng tự chủ hành vi của mình;
 - Hủy bỏ việc chỉ định đại diện được ủy quyền;
 - Hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Tuy nhiên, điều này sẽ không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên 48 tiếng trước giờ khai mạc cuộc họp hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 15. Thay đổi các Quyền

- Với sự chấp thuận của Đại Hội đồng Cổ đông như được quy định tại Điều 13.2, khi vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau thì theo Luật Doanh nghiệp, các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ với sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của các cổ phần đã phát hành của loại đó, hoặc với nghị quyết được thông qua bởi những người nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông có mặt tại một cuộc họp của riêng những người nắm giữ loại cổ phần đó.
- Số lượng đại biểu cần thiết để tổ chức một cuộc họp như vậy ít nhất là hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) nắm giữ ít nhất một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành (nhưng tại cuộc họp không có đủ số đại biểu như trên thì cuộc họp sẽ được tổ chức lại trong vòng 30 ngày sau đó và bất kỳ một người nào nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu). Cũng tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, bất kỳ người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 17 và 18.
4. Trừ khi các điều khoản về phát hành cổ phần được quy định khác đi, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi trong một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng hạng.

Điều 16. Triệu tập Đại Hội đồng Cổ đông, Chương trình Họp và Thông báo

1. Hội đồng Quản trị triệu tập Đại Hội đồng Cổ đông trừ các trường hợp quy định tại Điều 12.4b hoặc 12.4c.
2. Người triệu tập Đại Hội đồng Cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị một danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng trong vòng 45 ngày trước ngày bắt đầu tiến hành họp Đại Hội đồng Cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu phù hợp với Luật pháp và các quy định của Công ty;
 - b. Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - c. Thông báo cho tất cả các cổ đông về cuộc họp Đại Hội Đồng và gửi thông báo về cuộc họp cho họ.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất bảy (07) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 10 khoản 3 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại Hội đồng Cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 03 ngày làm việc trước khi bắt đầu họp Đại Hội đồng Cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần mà người (nhóm người) đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều này nếu:
 - a. Đề xuất không được gửi đúng thời hạn;
 - b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở lên;
 - c. Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết;
 - d. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại Hội đồng Cổ đông bàn bạc và thông qua các nghị quyết.
6. Đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị dự thảo một nghị quyết.
7. Nếu tất cả cổ đông có quyền biểu quyết hiện diện trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại Hội đồng Cổ đông thì những nghị quyết được Đại hội nhất trí thông qua đều là

hợp lệ ngay cả khi Đại Hội đồng Cổ đông không được triệu tập một cách phù hợp hoặc nội dung hợp không được đưa vào chương trình một cách hợp lý.

Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại Hội đồng Cổ đông, lập Biên bản Đại Hội đồng Cổ đông và Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

1. Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì, hoặc nếu Chủ tịch vắng mặt thì Phó chủ tịch hoặc bất kỳ người nào khác do Đại Hội Đồng bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp Chủ tịch hay Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị không chủ trì cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị có mặt với chức vụ cao nhất sẽ tiến hành bầu ra chủ tọa cuộc họp, chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng Quản trị. Chủ tịch, Phó chủ tịch HĐQT hoặc chủ tọa được bầu sẽ đề cử một thư ký để lập biên bản cuộc họp. Trường hợp bầu chủ tọa, tên chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho chủ tọa phải được công bố.
2. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 điều này, các nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông phải được thông qua bởi từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại Hội đồng Cổ đông.
3. Các Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty phải được thông qua bởi từ 75% trở lên trên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông.

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

4. Người chủ trì cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông chịu trách nhiệm lưu các biên bản và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Đại Hội đồng Cổ đông kết thúc. Các biên bản này được coi là những bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông đó, trừ khi có ý kiến phản đối được đưa ra một cách hợp lệ về nội dung biên bản trong vòng 10 ngày kể từ khi gửi những biên bản đó đi. Biên bản sẽ được lập bằng tiếng Việt, được Chủ tọa cuộc họp và thư ký xác nhận và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại văn phòng Công ty.
5. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty;
 - b. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.
6. Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, cuộc họp phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại Hội đồng Cổ đông lần thứ

nhất. Trong lần triệu tập thứ hai cần có số thành viên tham dự và các cổ đông là những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết. Nếu việc triệu tập lần thứ hai không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, một Đại Hội đồng Cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành cuộc họp lần hai, và trong lần này bất kỳ số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền nào tham dự cũng đều hợp lệ và đều có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại Hội đồng Cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn một cách hợp lệ.

7. Vào ngày tổ chức Đại Hội đồng Cổ đông, thủ tục đăng ký cổ đông phải được tiến hành và tiếp tục cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
8. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Việc biểu quyết tại Đại Hội Đồng sẽ được tiến hành bằng cách thu số thẻ ủng hộ một nghị quyết trước, thu số thẻ phản đối nghị quyết đó sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối một vấn đề, hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được chủ tọa thông báo ngay sau khi việc biểu quyết được tiến hành. Đại Hội đồng Cổ đông sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu Đại Hội Đồng không chọn thì chủ tọa sẽ chọn những người đó.
9. Cổ đông đến dự họp Đại Hội đồng Cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có thẩm quyền tham gia và biểu quyết ngay tại cuộc họp, nhưng chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.
10. Quyết định của chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại Hội đồng Cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
11. Không cần lấy ý kiến của Đại Hội đồng, bất cứ lúc nào Chủ tọa cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông cũng có thể trì hoãn một cuộc họp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:
 - a. Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức họp;
 - b. Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn tiến có trật tự của cuộc họp;
 - c. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại Hội Đồng được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, với sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại Hội đồng Cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết, chủ tọa có thể hoãn cuộc họp. Đại Hội Đồng họp lại sẽ không xem xét bất cứ vấn đề nào ngoài các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại cuộc họp bị trì hoãn trước đó.
12. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 11 Điều 17, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
13. Chủ tọa cuộc họp hoặc thư ký có thể tiến hành hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự, hoặc để cuộc họp của Đại Hội Đồng phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
14. Hội đồng Quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền muốn dự họp Đại Hội đồng Cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác mà Hội đồng Quản trị cho là thích hợp. Khi đã xem xét kỹ lưỡng, Hội đồng Quản trị có thể từ chối không cho tham dự hoặc trục xuất một cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền nào đó không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh này ra khỏi cuộc họp.

15. Hội đồng Quản trị có thể tiến hành các biện pháp mà họ cho là thích hợp sau khi đã xem xét kỹ lưỡng để:
- Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại Hội đồng Cổ đông;
 - Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
 - Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp.

Hội đồng Quản trị có thể thay đổi những biện pháp này vào bất kỳ lúc nào. Các biện pháp có thể bao gồm và không hạn chế việc cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

16. Trong trường hợp tại Đại Hội đồng Cổ đông có áp dụng các biện pháp này, khi xác định địa điểm họp, Hội đồng Quản trị có thể:
- Thông báo rằng cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa cuộc họp sẽ có mặt tại đó (“Địa Điểm Họp Chính”);
 - Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này, hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm Họp Chính, có thể đồng thời tham dự cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông.

Thông báo về việc tổ chức họp không cần phải đưa ra chi tiết về những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

17. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác đi), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông ở địa điểm họp chính.

Điều 18. Phê chuẩn các Nghị Quyết thông qua hình thức gửi văn bản

- Các nghị quyết có thể được các cổ đông đại diện cho ít nhất 75% quyền biểu quyết thông qua bằng văn bản theo các thủ tục quy định tại Khoản 2 của Điều này.
- Hội đồng Quản trị có trách nhiệm sau đây để các nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông được thông qua bằng hình thức gửi văn bản:
 - Quyết định các vấn đề cần xin ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy vì lợi ích của Công ty, kể cả các trường hợp thông qua các vấn đề sau:
 - Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
 - Quyết định chào bán trái phiếu chuyển đổi và tổng số trái phiếu chuyển đổi được quyền chào bán.
 - Gửi phiếu bầu và tất cả các văn bản cần thiết cho tất cả các cổ đông có quyền tham dự Đại Hội đồng Cổ đông để các cổ đông này có thể ra các quyết định có đầy đủ thông tin;
 - Quyết định kết quả bỏ phiếu và thông báo kết quả đó trong vòng 15 ngày sau ngày ghi trong lá phiếu mà vào ngày đó các lá phiếu sẽ được gửi trả lại. Trường hợp cổ đông không gửi phiếu phản hồi thì được xem như tán thành nội dung xin ý kiến bằng văn bản.
- Nghị quyết được thông qua bằng hình thức gửi văn bản theo quy định tại Khoản 1 của Điều này có giá trị tương đương các nghị quyết do Đại Hội đồng Cổ đông thông qua.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**Điều 19. Thành phần và Nhiệm kỳ**

1. Số thành viên Hội đồng quản trị không ít hơn 05 người và không nhiều hơn 11 người.
2. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có nhiệm kỳ tối đa 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Khi bầu các thành viên Hội đồng Quản trị, ít nhất một phần ba số thành viên Hội đồng Quản trị phải là thành viên độc lập không điều hành Công ty.
3. Việc ứng cử và đề cử để bầu thành viên Hội đồng Quản trị:
 - a. Cổ đông nắm giữ từ 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên trong vòng từ 6 tháng liên tiếp đến ngày bầu cử được quyền đề cử một ứng cử viên để bầu vào Hội đồng Quản trị;
 - b. Những cổ đông nắm giữ ít hơn 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 6 tháng liên tiếp trở lên có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau cho đủ 10% để đề cử các ứng viên bầu vào Hội đồng Quản trị. Nếu như tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ nắm giữ chiếm trong khoảng từ 10% đến dưới 30% thì họ được quyền đề cử 01 thành viên để bầu vào Hội đồng Quản trị; nếu chiếm từ 30% đến dưới 50% thì họ được đề cử 02 thành viên; nếu từ 50% đến 70% thì họ được đề cử 03 thành viên; và nếu lớn hơn 70% thì họ được đề cử 04 thành viên;

Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử

- c. Người ứng cử hoặc được đề cử phải là người có sức khỏe bình thường, không mắc các chứng bệnh mãn tính hoặc tâm thần, không ảnh hưởng bởi các phán quyết của toà án và/hoặc quy định của pháp luật về tư cách làm việc.
4. Một thành viên Hội đồng Quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng Quản trị nữa theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị Luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng Quản trị;
 - b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
 - c. Thành viên đó bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Hội đồng Quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn có năng lực hành vi;
 - d. Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên tục trong vòng 6 tháng mà không có sự cho phép của Hội đồng Quản trị và Hội đồng Quản trị đã nghị quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng Quản trị theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông.
5. Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng Quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu

lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng Quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

6. Việc bổ nhiệm các thành viên HĐQT phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
7. Thành viên Hội đồng Quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Điều 20. Quyền hạn và Nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại Hội đồng Cổ đông.

Các thành viên Hội đồng Quản trị không được chuyển nhượng cổ phần của Công ty do họ sở hữu trong suốt thời gian đương nhiệm trừ trường hợp được Hội đồng Quản trị chấp thuận. Đối với các thành viên đắc cử từ các trường hợp được gộp lại hay đề cử thì số cổ phần được gộp lại hay dùng để đề cử đó cũng sẽ bị hạn chế về chuyển nhượng tương tự.

2. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và những người quản lý khác.
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do Đại Hội đồng Cổ đông thông qua;
 - c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;
 - d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
 - e. Thực hiện các khiếu nại của Công ty về cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty trong các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
 - f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
 - g. Thực hiện việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một giá xác định trước;
 - h. Quyết định giá bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
 - i. Bổ nhiệm Tổng Giám đốc điều hành hay bất kỳ cán bộ quản lý hoặc người đại diện nào của Công ty nếu Hội đồng Quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty.
 - j. Miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc điều hành hay bất kỳ cán bộ quản lý hoặc người đại diện nào của Công ty nếu Hội đồng Quản trị có bằng chứng chứng minh rõ ràng họ không đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ được giao hoặc có hành vi vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, việc bãi nhiệm đó không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm, nếu có;

- k. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc điều hành hay bất kỳ cán bộ quản lý hoặc người đại diện nào của Công ty nếu Hội đồng Quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Tuy nhiên, việc bãi nhiệm đó không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm, nếu có;
 - l. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
 - m. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng Quản trị phê chuẩn:
- a. Việc thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Việc thành lập các Công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại Điều 108.2 của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị quyết định, tùy từng thời điểm, việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm Công ty và liên doanh), trừ trường hợp được quy định tại Điều 120.3 Luật Doanh nghiệp và Điều 13 của Điều lệ này đều phải do Đại Hội đồng Cổ đông phê chuẩn;
 - d. Việc chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại có thẩm quyền và Luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện mọi khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp. Việc mua hoặc bán cổ phần của những Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - g. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ trên 30% đến 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
 - h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i. Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% cổ phần theo từng loại;
 - j. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.
5. Hội đồng Quản trị phải nộp báo cáo cho Đại Hội đồng Cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng đối với Tổng Giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Nếu không có báo cáo của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính thường niên của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng thông qua.
6. Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền cho viên chức cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện và hành động thay mặt cho Công ty, thậm chí cả khi vấn đề đòi hỏi việc đánh giá đưa ra kết luận, trừ khi Luật pháp và Điều lệ quy định khác.
7. Thành viên Hội đồng Quản trị (không kể các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của họ với tư cách là thành viên Hội đồng Quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng Quản trị sẽ do Đại Hội đồng Cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được

chia cho các thành viên Hội đồng Quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng hoặc nếu không thỏa thuận được thì chia đều.

8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và số tiền mà mỗi thành viên được nhận phải được ghi chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty.
9. Mọi thành viên nắm giữ bất kỳ một chức vụ điều hành nào (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch và không tính đến việc chức vụ đó có được nắm giữ trong một khuôn khổ mang tính chất điều hành hay không), hoặc thành viên làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng, hoặc thành viên thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng Quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
10. Các thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, kể cả mọi chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng, hoặc các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc Đại Hội đồng Cổ đông.

Điều 21. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

1. Hội đồng Quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một Chủ tịch và một Phó chủ tịch. Trừ khi Đại Hội đồng Cổ đông quyết định khác, chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ không kiêm chức Tổng Giám đốc điều hành Công ty. Nếu các cổ đông chấp thuận rằng Chủ tịch có thể đồng thời là Tổng Giám đốc điều hành, quyết định này cần phải được khẳng định lại hàng năm vào kỳ họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập và chủ tọa cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và theo Luật Doanh nghiệp. Phó chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ hành động với tư cách Chủ tịch nếu được Chủ tịch ủy quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng Quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Nếu Chủ tịch không chỉ định Phó chủ tịch hành động như vậy thì các thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị sẽ chỉ định Phó chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì bất kỳ lý do nào đó thì Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch.
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải gửi báo cáo tài chính thường niên, Báo cáo về tình hình chung của Công ty, báo cáo kiểm toán của Kiểm toán viên và báo cáo kiểm tra của Hội đồng Quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông.
4. Khi cả Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn vì bất cứ lý do nào thì Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày.

Điều 22. Thành viên Hội đồng Quản trị thay thế

1. Mọi thành viên Hội đồng Quản trị (nhưng không phải người được ủy nhiệm thay thế cho thành viên đó) có thể chỉ định bất kỳ một thành viên Hội đồng Quản trị nào khác, hoặc bất kỳ người nào khác được Hội đồng Quản trị phê chuẩn và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ này, làm người thay thế cho mình và có quyền bãi miễn người thay thế đó.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị thay thế sẽ có quyền nhận được thông báo về mọi cuộc họp của Hội đồng Quản trị và của các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị mà người (thành viên HĐQT) chỉ định ông (bà) ấy là thành viên, có quyền tham gia và biểu quyết tại bất kỳ cuộc họp nào mà ở đó thành viên Hội đồng Quản trị chỉ định không có mặt, và được ủy quyền để thực hiện tất cả các chức năng của người chỉ định như là thành viên của Hội đồng Quản trị trong trường hợp người chỉ định vắng mặt, nhưng người thay thế không được nhận bất kỳ

khoản thù lao nào từ phía Công ty cho công việc của mình với tư cách là thành viên HĐQT thay thế. Tuy nhiên, Công ty không bắt buộc phải gửi thông báo về các cuộc họp nói trên cho thành viên Hội đồng Quản trị thay thế không có mặt tại Việt Nam.

3. Thành viên thay thế sẽ phải từ bỏ tư cách thành viên Hội đồng Quản trị nếu người chỉ định anh ta không còn tư cách thành viên Hội đồng Quản trị nữa. Nhưng nếu một thành viên Hội đồng Quản trị hết nhiệm kỳ nhưng lại được tái bổ nhiệm, hoặc được coi là đã được tái bổ nhiệm trong cùng một cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông mà thành viên đó thôi giữ chức do hết nhiệm kỳ, thì việc chỉ định thành viên thay thế do người này thực hiện ngay trước thời điểm hết nhiệm kỳ sẽ đương nhiên tiếp tục có hiệu lực sau khi thành viên đó được tái bổ nhiệm.
4. Việc chỉ định hoặc bãi nhiệm thành viên thay thế phải được thực hiện theo hình thức một văn bản thông báo do thành viên Hội đồng Quản trị chỉ định hoặc bãi nhiệm người thay thế ký gửi cho Công ty hoặc theo hình thức khác do Hội đồng Quản trị phê chuẩn.
5. Ngoài những quy định khác đã được nêu trong Điều lệ này, một thành viên thay thế sẽ được coi như là thành viên Hội đồng Quản trị về mọi phương diện và phải chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi sai lầm của mình mà không được coi là người đại diện thừa hành sự ủy quyền của thành viên Hội đồng Quản trị đã chỉ định mình.

Điều 23. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên này bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 7 ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị mà không được có bất kỳ sự trì hoãn bất hợp lý nào khi một trong số các đối tượng sau đây đề nghị bằng một văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
 - a. Tổng Giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm nhân viên Quản lý;
 - b. Ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng Quản trị;
 - c. Chủ tịch Hội đồng Quản trị; hoặc;
 - d. Đa số thành viên trong Ban Kiểm soát.
4. Cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được tiến hành trong vòng 2 tuần sau khi đề xuất họp. Nếu Chủ tịch không chấp nhận triệu tập cuộc họp, những người mong muốn tổ chức cuộc họp được đề cập ở khoản 2 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
5. Theo yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác theo quyết định của chủ tịch Hội Đồng và sự nhất trí của Hội đồng Quản trị.

7. Thông báo và chương trình họp: Các cuộc họp phải được tiến hành trên cơ sở thông báo cho các thành viên Hội đồng 5 ngày trước khi tổ chức, với điều kiện là các thành viên Hội đồng có thể khước từ thông báo mời họp bằng văn bản và sự khước từ đó có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo về cuộc họp Hội Đồng sẽ phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo cả về chương trình họp, thời gian, và địa điểm họp và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp và cả các phiếu bầu cho những thành viên Hội Đồng không thể dự họp.
8. Số thành viên tham dự tối thiểu: Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền). Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.
9. Biểu quyết:
 - a. Trừ quy định tại mục b Khoản 9 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng sẽ có một phiếu biểu quyết;
 - b. Một thành viên Hội đồng sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó hoặc bất kỳ người liên quan nào có lợi ích và lợi ích đó có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại một cuộc họp về bất kỳ nghị quyết nào mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
 - c. Theo quy định tại mục d Khoản 9 điều này, trong một cuộc họp của Hội đồng Quản trị, nếu có bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của bất kỳ thành viên nào mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng đó, thì những vấn đề đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp và phán quyết của vị chủ tọa liên quan đến vấn đề này sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;
 - d. Bất kỳ thành viên Hội đồng nào hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
10. Tuyên bố lợi ích: Một thành viên Hội đồng mà bằng cách này hay cách khác, trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết, hoặc đang dự kiến với Công ty, sẽ phải tuyên bố bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng Quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này, nếu khi đó thành viên này đã biết là mình có lợi ích trong đó. Hoặc thành viên này có thể tuyên bố điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
11. Biểu quyết đa số: Hội đồng Quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng có mặt (trên 50%). Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, Chủ tịch Hội Đồng sẽ là người có lá phiếu quyết định.
12. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt: Thành viên Hội đồng Quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về nghị quyết của Hội đồng bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Những phiếu bằng văn bản này được chuyển tới Chủ tịch, hoặc nếu không gửi được cho Chủ tịch thì gửi cho thư ký không muộn hơn 1 tiếng đồng hồ trước thời gian dự kiến họp.
13. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Một cuộc họp của Hội đồng Quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng Quản trị mà tất cả hoặc một

số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (cho dù là đã được sử dụng vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này mới được sử dụng) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng tham gia họp trong một cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Một cuộc họp được tổ chức theo quy định này được coi là diễn ra tại địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng Quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.

Các Nghị quyết được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của mọi thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp này.

14. Nghị quyết bằng văn bản: Nghị quyết bằng văn bản phải được ký bởi tất cả những thành viên Hội đồng sau đây:
 - a. Những thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng;
 - b. Số lượng những thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng.

Loại nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như là một nghị quyết được các thành viên Hội đồng thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức như thường lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó được một thành viên trở lên ký, nhưng phải đáp ứng yêu cầu về lượng thành viên tối thiểu quy định tại mục b khoản 14 Điều này.

15. Biên bản cuộc họp: Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp của Hội đồng Quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ khi chuyển đi. Các biên bản sẽ phải được lập bằng tiếng Việt và phải được ký bởi tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên HĐQT tham gia cuộc họp.
16. Những người được mời họp dự thính: Tổng Giám đốc điều hành, những cán bộ quản lý khác và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp Hội đồng Quản trị theo lời mời của Hội đồng Quản trị nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên Hội đồng.
17. Các tiểu ban của Hội đồng Quản trị: Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền hành động và quyết định cho các tiểu ban trực thuộc bao gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng và một hoặc nhiều người khác ở ngoài Hội đồng nếu cho là phù hợp. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, mọi tiểu ban đều phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng Quản trị đề ra tùy từng thời điểm. Những quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng Quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) số lượng thành viên kết nạp thêm phải ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của tiểu ban đó sẽ không có hiệu lực nếu đa số thành viên có mặt tại cuộc họp thông qua nghị quyết đó không phải là thành viên Hội đồng Quản trị.

18. Giá trị pháp lý của hành động: Mọi hành động được thực hiện theo quyết định Hội đồng Quản trị, hoặc của bất kỳ tiểu ban nào trực thuộc Hội đồng hoặc do bất kỳ người nào với tư cách thành viên của tiểu ban đó sẽ được coi là có giá trị pháp lý mặc dù quá trình bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng Quản trị có thể có những sai sót.

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, NHỮNG CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 24. Tổ chức bộ máy quản lý

- Hội đồng Quản trị Công ty sẽ xây dựng và ban hành bộ máy quản lý Công ty. Bộ máy này chịu trách nhiệm trực tiếp và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng Quản trị. Công ty có một Tổng Giám đốc điều hành và một số Phó Tổng Giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm và bãi nhiệm. Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc điều hành và kế toán trưởng có thể đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị, việc bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm sẽ bằng một nghị quyết được thông qua theo thủ tục hợp lệ.

Điều 25. Cán bộ quản lý

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc điều hành và sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Công ty sẽ có một số lượng nhất định và các cán bộ quản lý cần thiết và thích hợp để thực hiện các cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty do Hội đồng Quản trị đề xuất tùy từng thời kỳ. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc điều hành sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định; hợp đồng của những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc hoặc/và các Phó Tổng Giám đốc điều hành.

Điều 26. Bổ nhiệm, Miễn nhiệm, Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Bổ nhiệm: Hội đồng Quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc tuyển chọn một người hội đủ năng lực khác làm Tổng Giám đốc điều hành và sẽ ký hợp đồng, quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc điều hành phải được báo cáo Đại Hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên, được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty. Tổng giám đốc Công ty không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp khác.
2. Nhiệm kỳ: Căn cứ theo Điều 21 Tổng Giám đốc điều hành có thể không phải là Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc điều hành không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức Nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho Công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.
3. Quyền hạn và Nhiệm vụ: Tổng Giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
 - a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại Hội đồng Cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng Quản trị và Đại Hội đồng Cổ đông thông qua;

- b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có quyết nghị của Hội đồng Quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và Thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c. Kiến nghị về số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần thuê để Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết, để thực hiện các thông lệ quản lý tốt nhất cũng như các cơ cấu do Hội đồng Quản trị đề xuất và tư vấn cho Hội đồng Quản trị để quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
 - d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 30% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
 - f. Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Tổng Giám đốc điều hành phải trình Hội đồng Quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 5 năm;
 - g. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm do Đại Hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị thông qua;
 - h. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - i. Chuẩn bị các bảng dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bảng dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo Kế hoạch kinh doanh. Bảng dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình cho Hội đồng Quản trị để thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
 - j. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng Quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc điều hành và pháp luật.
4. Báo cáo lên Hội đồng Quản trị và các cổ đông: Tổng Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại Hội đồng Cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.
 5. Bãi nhiệm: Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc điều hành với ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng biểu quyết tán thành (không kể biểu quyết của Tổng Giám đốc điều hành trong trường hợp này) và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc điều hành mới thay thế. Tổng Giám đốc điều hành bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại Hội đồng Cổ đông tiếp theo. Thủ tục này được áp dụng tương tự đối với các chức danh khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.

Điều 27. Thư ký Công ty

Hội đồng Quản trị sẽ chỉ định Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm một Thư ký Công ty vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không trái với các quy định pháp luật về lao động hiện hành. Có thể cử hai hay nhiều người cùng làm đồng Thư ký Công ty. Hội đồng Quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của thư ký Công ty bao gồm:

1. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Đại Hội đồng Cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát.

2. Thực hiện biên bản các cuộc họp.
3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.
4. Cung cấp thông tin cho thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

CHƯƠNG IX. NHIỆM VỤ ĐƯỢC ỦY THÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 28. Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý

- Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý được ủy thác trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng Quản trị một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà bất kỳ một người thận trọng nào khác cũng cần phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 29. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý không được phép sử dụng vì mục đích cá nhân những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị mọi lợi ích có thể gây xung đột mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng này chỉ có thể sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng Quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.
3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà ở đó những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại Hội đồng Cổ đông có quyết định khác.
4. Theo Điều 120 của Luật Doanh nghiệp, một hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty và một hoặc nhiều thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ, hoặc bất kỳ Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức nào khác mà ở đó một hoặc nhiều thành viên Hội đồng Quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hóa chỉ vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc chỉ vì thành viên Hội đồng Quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng Quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc chỉ vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:
 - a. Đối với hợp đồng có giá trị từ hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty trở xuống, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng Quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng Quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng Quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;
 - b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng Quản trị đã

được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và họ (các cổ đông vừa nêu) đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này một cách trung thực;

- c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng Quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng này hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.
5. Không một thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, một nhân viên quản lý hay người có liên quan nào của họ được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc Công ty con của Công ty vào bất cứ thời điểm nào, khi mà họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó mà các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 30. Trách nhiệm và bồi thường

1. Trách nhiệm: Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, miễn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của Công ty (hay Công ty con của Công ty), hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay Công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của một Công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả chi phí thuê luật sư) chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG X. BAN KIỂM SOÁT

Điều 31. Bổ nhiệm Ban Kiểm soát

1. Công ty có từ 12 cổ đông trở lên phải có Ban Kiểm soát. Thành viên của Ban Kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
 - a. Được Hội đồng Quản trị tham khảo ý kiến về việc chỉ định Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập;
 - b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

- c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và bảo đảm sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;
 - d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng Quản trị;
 - e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
 - f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của lãnh đạo quản lý Công ty;
 - g. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng Quản trị chấp thuận;
 - h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.
2. Ứng cử và đề cử ứng viên vào Ban Kiểm soát
- a. Ứng cử: Cổ đông có trình độ chuyên môn về tài chính kế toán và hội đủ các điều kiện về thành viên Ban Kiểm soát theo Điều lệ này có thể ứng cử vào Ban Kiểm soát Công ty;
 - b. Đề cử: Mỗi cổ đông nắm giữ trên 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong khoảng thời gian từ 06 tháng liên tiếp trở lên có quyền đề cử một ứng viên vào Ban Kiểm soát.
- Những cổ đông nắm giữ ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong khoảng thời gian 06 tháng liên tục trở lên có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban Kiểm soát. Nếu tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của họ nằm trong khoảng từ 10% đến dưới 30% thì họ được phép đề cử 01 người; nếu từ 30% đến dưới 50% họ được đề cử 02 người; từ 50% đến dưới 70% được đề cử 03 người và 70% được đề cử 04 người.
3. Thành viên của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát và Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng Quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng Quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng Quản trị.
4. Ban Kiểm soát không ít hơn 3 thành viên và không nhiều hơn 5 thành viên trong đó có một thành viên có chuyên môn về kế toán và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty Kiểm toán độc lập bên ngoài hoặc nhân viên của chính Công ty. Ban Kiểm soát phải chỉ định một thành viên là cổ đông của Công ty làm trưởng ban. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
- a. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát và hoạt động với tư cách là chủ tịch Ban Kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban Kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để trình lên Đại Hội đồng Cổ đông.
5. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban Kiểm soát sẽ do Đại Hội đồng Cổ đông quyết định và được cụ thể hoá việc chi trả, nhưng không cao hơn mức thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị. Thành viên của Ban Kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, lưu trú, ăn uống và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

6. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp và cách thức hoạt động của Ban nhưng không được họp ít hơn 2 lần mỗi năm và số lượng thành viên tối thiểu phải có trong các cuộc họp là hai người
7. Các thành viên của Ban Kiểm soát do Đại Hội đồng Cổ đông bổ nhiệm, có nhiệm kỳ tối đa 5 năm và có thể được bầu lại vào kỳ Đại Hội đồng Cổ đông tiếp theo đó.
8. Một thành viên Ban Kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban Kiểm soát;
 - b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;
 - c. Thành viên đó bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban Kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn có năng lực hành vi;
 - d. Thành viên đó vắng mặt liên tục trong vòng 12 tháng không tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát mà không được phép của Ban Kiểm soát và Ban Kiểm soát quyết nghị rằng vị trí của người đó bị bỏ trống.

CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 32. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Mọi cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong điều 19 khoản 3 mục a,b và 31 khoản 2 mục b đều có quyền, trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được ủy quyền, gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách các cổ đông, các biên bản của Đại Hội đồng Cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, giấy đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Mỗi cổ đông đều có quyền đề nghị cấp một bản Điều lệ Công ty miễn phí. Điều lệ này sẽ được đưa lên website của Công ty.

CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 33. Công nhân viên và Công đoàn

- Tổng Giám đốc điều hành sẽ phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc

lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động, cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và pháp luật.

CHƯƠNG XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 34. Cổ tức

1. Theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng Quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông.
2. Theo quy định của Luật doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy rằng việc chi trả này phù hợp và nằm trong khả năng lợi nhuận của Công ty.
3. Trừ trường hợp có các quyền đi kèm theo bất kỳ cổ phần nào hoặc các điều khoản phát hành cổ phiếu đó có quy định khác đi, mức cổ tức (có tính đến những cổ phiếu chưa được thanh toán hết trong thời gian cổ tức được chi trả) được chi trả trên số cổ phần tương ứng đã góp đủ.
4. Công ty sẽ không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan tới một cổ phiếu.
5. Hội đồng Quản trị có thể đề nghị Đại Hội đồng Cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (có thể bằng các cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán hết tiền mua do Công ty khác phát hành) và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
6. Cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một cổ phiếu nếu được chi trả bằng tiền mặt sẽ phải được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và nếu có rủi ro phát sinh thì cổ đông đó phải chịu với điều kiện Công ty chứng minh được việc thực hiện là đúng và đủ thủ tục. Ngoài ra, mọi khoản cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một cổ phiếu có thể được thực hiện bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông đó. Nếu Công ty đã chuyển khoản đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp thì Công ty không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản tiền nào được Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng mà cổ đông đó không nhận được. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu đã lưu ký giao dịch tại Trung tâm (hoặc Sở) Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc trung tâm lưu ký.
7. Nếu được Đại Hội đồng Cổ đông chấp thuận, Hội đồng Quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được quyền lựa chọn để nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Những cổ phần bổ sung này được ghi là những cổ phần đã thanh toán hết tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần phổ thông bổ sung thay thế cho khoản cổ tức tiền mặt phải tương đương với số tiền mặt của cổ tức theo sự tính toán sát thực nhất.
8. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết của mình có thể quy định một ngày cụ thể (ngày khóa sổ) làm ngày khóa sổ hoạt động kinh doanh của Công ty mà theo đó những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khóa sổ này có thể là cùng ngày hoặc vào bất cứ thời điểm nào

trước khi việc nhận các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 35. Tài khoản ngân hàng.

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo quy định của pháp luật nếu cần thiết.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 36. Quỹ Dự trữ bổ sung vốn Điều lệ

- Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá năm phần trăm (5%) lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

Điều 37. Năm tài khóa

- Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của Tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày 31 của Tháng Mười Hai cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày 31 của Tháng Mười Hai ngay sau ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (giấy phép kinh doanh) đó.

Điều 38. Hệ thống Kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ hệ thống nào khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống, đầy đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 39. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải chuẩn bị một bản báo cáo kế toán hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 41 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo kế toán hàng năm phải bao gồm: Một Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi lỗ của Công ty trong năm tài chính; một Bảng cân đối kế toán thể hiện một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Nếu Công ty là một Công ty mẹ thì ngoài báo cáo kế toán hàng năm còn phải bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các Công ty con của mình vào cuối mỗi năm tài chính.
3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Trung tâm Giao dịch Chứng khoán (khi đã đăng ký và niêm yết).
4. Một bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp và sẵn sàng cung cấp cho tất cả các cổ đông khi có yêu cầu. Các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Công ty sẽ được đưa lên trang Web Công ty.
5. Bất kỳ một tổ chức hoặc cá nhân nào quan tâm sẽ được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 40. Công bố thông tin và Thông báo ra công chúng

- Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 41. Kiểm toán

1. Tại Đại Hội đồng Cổ đông hàng năm, một Công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các Công ty niêm yết sẽ được chỉ định để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng Quản trị.
2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo kế toán hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.
3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo kế toán hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập Báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng Quản trị trong vòng hai (2) tháng kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính. Các nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận.
4. Một bản sao của Báo cáo Kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.
5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự các cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông và được nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại Hội đồng Cổ đông mà mọi cổ đông được nhận, được phát biểu ý kiến tại Đại Hội Đồng về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XVII. CON DẤU**Điều 42. Con dấu**

1. Hội đồng Quản trị sẽ thông qua một con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.
2. Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**Điều 43. Chấm dứt hoạt động**

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - b. Giải thể theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông;
 - c. Các trường hợp khác theo pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại Hội đồng Cổ đông quyết định và quyết định này phải được thông báo đến cơ quan có thẩm quyền để thông báo hay chấp thuận nếu thủ tục chấp thuận này là bắt buộc.

Điều 44. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng Quản trị và Cổ đông

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới tòa để yêu cầu giải thể chiếu theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng Quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng Quản trị hoạt động.
2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng Quản trị.
3. Có sự bất đồng nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 45. Thanh lý

1. Ít nhất sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng Quản trị sẽ phải thành lập Ban Thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai thành viên trong đó do Đại Hội đồng Cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban Thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến Thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban Thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
 - c. Thuế và các khoản nợ có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
 - d. Các khoản vay theo thứ tự ưu tiên;
 - e. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 46. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty, hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ, hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp, hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:
 - a. Một cổ đông hay các cổ đông với Công ty;
 - b. Một cổ đông hay các cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành hay Cán bộ Quản lý cao cấp thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Nếu không có quyết định hòa giải nào đạt được trong vòng 6 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.
3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của tòa án sẽ do tòa phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XX. SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 47. Bổ sung và Sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung điều lệ này phải được Đại Hội đồng Cổ đông xem xét quyết định.
2. Những điều không được quy định trong Điều lệ này sẽ được thực hiện theo các quy định và pháp luật hiện hành của Việt Nam, các thông lệ quốc tế chung và các quy chế của Công ty.

CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC**Điều 48. Ngày hiệu lực**

1. Bản điều lệ này gồm XXI chương 49 điều, được Đại Hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Beton 6 nhất trí thông qua ngày 12 tháng 4 năm 2013 tại Công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của điều lệ này kể từ ngày thông qua.
2. Bản Điều lệ này thay thế Bản Điều lệ ngày 28 tháng 4 năm 2011.
3. Bản Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
 - b. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quyết định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;
 - c. 04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.
4. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
5. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc ít nhất $\frac{1}{2}$ tổng số thành viên Hội đồng Quản trị mới có giá trị.

Điều 49. Chữ ký của các Cổ đông sáng lập hoặc của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6
TỔNG GIÁM ĐỐC**

HÀ THANH MÃN